

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN**



## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	13 - 32

\*\*\*\*\*





**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

**Khái quát về Công ty**

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Phú Yên (tên trước đây là Công ty Phát triển nhà và Công trình đô thị và được chuyển đổi thành Công ty TNHH Phát triển nhà và Công trình đô thị Thành phố Tuy Hòa).

Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Phú Yên là Công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Phú Yên và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400115884 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Yên cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 5 năm 2006. Ngày 27/09/2013 và ngày 20/12/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định số 1704/QĐ-UBND và Quyết định số 2276/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Phú Yên thành Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên.

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 4400115884 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Yên cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi sau:

- Thay đổi lần thứ 4 vào ngày 02 tháng 01 năm 2014
- Thay đổi lần thứ 5 vào ngày 12 tháng 11 năm 2014
- Thay đổi lần thứ 6 ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ : Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên
- Điện thoại : 0257 3823 666
- Fax : 0257 3829 762

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi là:

- Thu gom rác, xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, công trình điện chiếu sáng, trạm biến áp và lưới điện trung và hạ thế, thi công, nạo vét, sửa chữa hệ thống thoát nước và công trình đô thị, công trình giao thông, cống rãnh via hè; San lấp mặt bằng;
- Quản lý công viên, vệ sinh và bảo vệ môi trường;
- Dịch vụ phục vụ tang lễ;
- Mua bán hoa và cây xanh;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, xe cơ giới, các loại xe thô sơ chuyên dùng;
- Duy tu và bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng đô thị;
- Mua bán thiết bị vệ sinh môi trường, vật tư cấp thoát nước;
- Vận chuyển chất thải, rác thải;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;



# CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập hồ sơ mời thầu;
- Dịch vụ tư vấn thiết kế cây xanh đô thị, công viên, quảng trường, kiến trúc xanh, kiến trúc cảnh quan (hoạt động công ích);
- Dịch vụ tư vấn phát triển, quản lý đô thị;
- Tư vấn dự án về môi trường, hạ tầng đô thị, mô hình thu gom xử lý rác thải sinh hoạt và các dịch vụ hạ tầng đô thị khác;
- Sản xuất, mua bán, tiêu thụ phân compost;
- Trồng hoa, cây cảnh;
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Ươm giống cây lâm nghiệp;
- Trồng rừng, chăm sóc cây lấy gỗ và cây rừng khác;
- Khai thác lâm sản (trừ gỗ và động vật sống).

## Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đỗ Văn Sung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Trần Minh Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Quang Nguyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2020

### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Nguyễn Thị Tiến	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Bà Nguyễn Hoài Thu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018

### Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Minh Hoàng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Quang Nguyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2020
Ông Phan Trọng Thu	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2019

## Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Minh Hoàng – Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2018)

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

## Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;



# CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,



**Trần Minh Hoàng**  
Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2021





Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam  
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn  
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam  
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn  
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam  
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 3.0056/21/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”), công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Nha Trang**



**Nguyễn Văn Kiên – Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2018-008-1

Nha Trang, ngày 18 tháng 3 năm 2021

**Nguyễn Thị Kim Hồng - Kiểm toán viên**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1513-2018-008-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN**

Địa chỉ: 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>74.348.166.222</b>	<b>79.321.033.241</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>16.033.051.089</b>	<b>16.114.401.138</b>
1. Tiền	111		16.033.051.089	9.740.401.138
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.374.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>4.374.000.000</b>	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	4.374.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>36.922.376.005</b>	<b>44.058.348.007</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	35.736.186.560	40.418.514.398
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	270.511.714	2.643.384.600
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.456.334.286	1.142.025.734
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(540.656.555)	(145.576.725)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>15.018.960.594</b>	<b>17.514.018.205</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	15.018.960.594	17.514.018.205
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.999.778.534</b>	<b>1.634.265.891</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.999.778.534	1.602.023.826
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	-	32.242.065
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN**

Địa chỉ: 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>21.610.445.558</b>	<b>7.452.319.573</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.311.380.479</b>	<b>7.435.791.797</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	18.311.380.479	7.435.791.797
- Nguyên giá	222		64.090.245.276	49.768.092.308
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.778.864.797)	(42.332.300.511)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>59.994.546</b>	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		59.994.546	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	3.000.000.000	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>239.070.533</b>	<b>16.527.776</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	239.070.533	16.527.776
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>95.958.611.780</b>	<b>86.773.352.814</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>26.814.733.074</b>	<b>19.202.078.017</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>26.814.733.074</b>	<b>19.202.078.017</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	13.166.469.286	4.488.819.576
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	2.434.943.865	6.800.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	496.232.515	1.565.173.421
4. Phải trả người lao động	314	V.13	8.246.016.883	5.938.732.179
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		156.269.947	154.536.343
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	1.503.478.190	101.487.062
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	811.322.388	153.329.436
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



# CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>69.143.878.706</b>	<b>67.571.274.797</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>69.143.878.706</b>	<b>67.571.274.797</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	61.430.000.000	61.430.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		61.430.000.000	61.430.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	634.681.479	634.681.479
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	7.079.197.227	5.506.593.318
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		68.755.009	5.506.593.318
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		7.010.442.218	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>95.958.611.780</b>	<b>86.773.352.814</b>

Phú Yên, ngày 18 tháng 3 năm 2021



Trần Minh Hoàng  
Giám đốc

Ngô Thị Bích Trâm  
Người lập biểu

Phan Trọng Thư  
Kế toán trưởng



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN**

Địa chỉ: 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	132.700.958.453	84.111.586.879
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		19.142.818	43.115.545
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		132.681.815.635	84.068.471.334
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	111.943.479.870	68.265.550.830
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.738.335.765	15.802.920.504
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	495.177.472	761.578.978
7. Chi phí tài chính	22		6.603.584	8.882.137
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.603.584	8.882.137
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		675.000	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	12.956.044.592	9.409.261.769
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.270.190.061	7.146.355.576
12. Thu nhập khác	31	VI.5	21.903.595	50.364.137
13. Chi phí khác	32	VI.6	114.108.493	222.368.460
14. Lợi nhuận khác	40		(92.204.898)	(172.004.323)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.177.985.163	6.974.351.253
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	1.167.542.945	1.467.757.935
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>7.010.442.218</u>	<u>5.506.593.318</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>7.010.442.218</u>	<u>5.506.593.318</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>-</u>	<u>-</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>1.141</u>	<u>611</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		<u>1.141</u>	<u>611</u>

Phú Yên, ngày 18 tháng 3 năm 2021

  
 Ngô Thị Bích Trâm  
 Người lập biểu

  
 Phan Trọng Thư  
 Kế toán trưởng

  
 Trần Minh Hoàng  
 Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN**

Địa chỉ: 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.177.985.163	6.974.351.253
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	3.446.564.286	2.060.674.238
- Các khoản dự phòng	03	V.6	540.656.555	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(495.177.472)	(761.578.978)
- Chi phí lãi vay	06		6.603.584	8.882.137
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11.676.632.116	8.282.328.650
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.959.069.841	(1.690.493.489)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.495.057.611	(9.892.450.943)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		6.869.658.358	14.819.249.986
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(620.297.465)	678.082.025
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(8.882.137)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(1.101.142.782)	(1.514.801.525)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.15	(1.094.045.357)	(827.035.101)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>25.184.932.322</b>	<b>9.845.997.466</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8	(14.382.147.514)	(825.616.541)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(7.374.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3, V.5	163.665.143	761.578.978
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(21.592.482.371)</b>	<b>(64.037.563)</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.14, V.16	(3.673.800.000)	(3.673.800.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.673.800.000)</b>	<b>(3.673.800.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(81.350.049)</b>	<b>6.108.159.903</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>16.114.401.138</b>	<b>10.006.241.235</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>16.033.051.089</b>	<b>16.114.401.138</b>

Phú Yên, ngày 18 tháng 3 năm 2021

Ngô Thị Bích Trâm  
Người lập biểu

Phan Trọng Thu  
Kế toán trưởng



Trần Minh Hoàng  
Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, xây lắp.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Thu gom rác, xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, công trình điện chiếu sáng, trạm biến áp và lưới điện trung và hạ thế, thi công, nạo vét, sửa chữa hệ thống thoát nước và công trình đô thị, công trình giao thông, cống rãnh vỉa hè; San lấp mặt bằng; Quản lý công viên, vệ sinh và bảo vệ môi trường; Dịch vụ phục vụ tang lễ; Mua bán hoa và cây xanh; Sản xuất các sản phẩm cơ khí, xe cơ giới, các loại xe thô sơ chuyên dùng; Duy tu và bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng đô thị; Mua bán thiết bị vệ sinh môi trường, vật tư cấp thoát nước; Vận chuyển chất thải, rác thải; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Lập hồ sơ môi trường; Dịch vụ tư vấn thiết kế cây xanh đô thị, công viên, quảng trường, kiến trúc xanh, kiến trúc cảnh quan (hoạt động công ích); Dịch vụ tư vấn phát triển, quản lý đô thị; Tư vấn dự án về môi trường, hạ tầng đô thị, mô hình thu gom xử lý rác thải sinh hoạt và các dịch vụ hạ tầng đô thị khác; Sản xuất, mua bán, tiêu thụ phân compost; Trồng hoa, cây cảnh; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Ươm giống cây lâm nghiệp; Trồng rừng, chăm sóc cây lấy gỗ và cây rừng khác; Khai thác lâm sản (trừ gỗ và động vật sống).

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Doanh thu năm nay tăng so với năm trước chủ yếu do tăng doanh thu dịch vụ công cộng, do năm nay Công ty trúng được các gói thầu dịch vụ công cộng; ngoài ra, doanh thu công trình xây lắp cũng tăng đáng kể góp phần gia tăng lãi hoạt động kinh doanh.

#### 6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Chỉ có Công ty con - Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Đông Hòa được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Đông Hòa	Khu phố 2 Thị trấn Hòa Vinh, Huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên	Thu gom rác thải không độc hại, trồng cây xanh	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông cầu (*)	KP Long Phước Đông, Phường Xuân Phú, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên	Thu gom rác thải không độc hại, trồng cây xanh	100%	100%	100%



# CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

(\*) Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Cầu không được hợp nhất do Công ty con chưa hoạt động kinh doanh nên chưa phát sinh số liệu kế toán.

## 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

## 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 319 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 305 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.



## CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.





## CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Lợi thế kinh doanh*

Lợi thế kinh doanh tính trong giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 (năm) năm kể từ ngày Công ty chuyển sang cổ phần.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### *Chi phí khác*

Chi phí quảng cáo, bảo hiểm được ghi nhận theo thực tế phát sinh và phân bổ dần vào chi phí theo thời gian hiệu lực còn lại của các hợp đồng quảng cáo, bảo hiểm.

### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

### 10. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.



## CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 13. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và Quyết định Hội đồng quản trị về việc chi trả cổ tức.

### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.



## CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**



- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **16. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:



## CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

### 17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và



# CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.611.948	185.425.393
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn <sup>(*)</sup>	16.031.439.141	9.554.975.745
Các khoản tương đương tiền	-	6.374.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	-	6.374.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>16.033.051.089</u></b>	<b><u>16.114.401.138</u></b>

<sup>(\*)</sup> Trong đó, tại ngày 31/12/2020 số tiền 9.670.455.872 đồng tại Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư Phát triển- Chi nhánh Phú Yên; và số tiền 89.218.725 đồng tại Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên đã được phong tỏa để ký quỹ đảm bảo nghĩa vụ bảo lãnh.



## CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	<b>4.374.000.000</b>	-
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng <sup>(*)</sup>	4.374.000.000	-
<i>Dài hạn</i>	<b>3.000.000.000</b>	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng <sup>(*)</sup>	3.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.374.000.000</b>	-

(\*) Trong đó, tại ngày 31/12/2020 số tiền 7.000.000.000 đồng tại Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Phú Yên; và số tiền 374.000.000 đồng tại Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên đã được cầm cố để ký quỹ đảm bảo nghĩa vụ bảo lãnh.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>18.207.000</b>	-
UBND Tỉnh Phú Yên	18.207.000	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>35.717.979.560</b>	<b>40.418.514.398</b>
Phòng Quản lý đô thị Thành phố Tuy Hòa	18.438.158.190	22.286.768.288
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch	1.860.505.333	2.660.505.333
Trung tâm cung ứng dịch vụ công ích Thành phố Tuy Hòa	345.188.455	2.652.955.000
Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng Thành phố Tuy Hòa	5.035.145.773	1.891.508.000
Ban quản lý dự án Đầu tư và xây dựng các công trình dân dụng Phú Yên	2.741.948.172	5.239.192.891
Các khách hàng khác	7.297.033.637	5.687.584.886
<b>Cộng</b>	<b>35.736.186.560</b>	<b>40.418.514.398</b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần vận tải Thương mại xây dựng Đức Long	-	2.519.000.000
Cơ sở Hoa Kiêng Phước An	191.750.000	-
Các nhà cung cấp khác	78.761.714	124.384.600
<b>Cộng</b>	<b>270.511.714</b>	<b>2.643.384.600</b>

### 5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Quỹ lương chi vượt	-	-	120.951.715	-
Tạm ứng	38.200.000	-	45.700.000	-
Lãi tiền gửi dự thu	331.512.329	-	-	-
Các khoản ký quỹ	200.000.000	-	100.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	886.621.957	-	875.374.019	-
<b>Cộng</b>	<b>1.456.334.286</b>	-	<b>1.142.025.734</b>	-



## CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>			-			-
Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng Tp.Tuy Hòa	Trên 2 năm	394.093.000	118.227.900	-	-	-
Phòng Quản lý Đô thị Thành phố Tuy Hòa	Trên 3 năm	145.447.000	98.458.000	Trên 3 năm	394.977.743	394.977.743
Khách hàng khác	Trên 3 năm	2.078.307.788	1.860.505.333	Trên 3 năm	145.576.725	-
<b>Cộng</b>		<b>2.617.847.788</b>	<b>2.077.191.233</b>		<b>540.554.468</b>	<b>394.977.743</b>

Nợ xấu của Công ty bao gồm các khoản phải thu thương mại của khách hàng đã quá hạn thanh toán (chủ yếu là các khách hàng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước đang chờ quyết toán để thanh toán tiền dịch vụ của Công ty). Do vậy, một số khoản công nợ phải thu theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty không cần thiết phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Trong đó: Khoản phải thu từ các Dự án thực hiện - Phòng Quản lý Đô thị Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên chưa được trích lập dự phòng là do Ủy ban nhân dân Tỉnh Phú Yên đang trình duyệt chi ngân sách có kế hoạch trả trong năm tiếp theo.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	145.576.725	360.089.180
Trích lập/hoàn nhập dự phòng bổ sung	540.656.555	(214.512.455)
Xóa nợ dự phòng nợ phải thu không thu hồi được	(145.576.725)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>540.656.555</b>	<b>145.576.725</b>

### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.849.469.686	-	1.535.365.643	-
Công cụ, dụng cụ	6.850.000	-	6.850.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.927.873.507	-	15.724.430.206	-
Thành phẩm	-	-	22.815.954	-
Hàng hóa	234.767.401	-	224.556.402	-
<b>Cộng</b>	<b>15.018.960.594</b>	<b>-</b>	<b>17.514.018.205</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN**

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	14.411.710.799	11.855.383.871	23.429.417.729	71.579.909	49.768.092.308
Mua trong năm	392.614.786	651.306.818	13.065.363.637	212.867.727	14.322.152.968
<b>Số cuối năm</b>	<b>14.804.325.585</b>	<b>12.506.690.689</b>	<b>36.494.781.366</b>	<b>284.447.636</b>	<b>64.090.245.276</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.587.063.581	10.155.151.143	9.187.535.911	71.579.909	24.001.330.544
Chờ thanh lý	-	174.960.000	1.027.272.727	-	1.202.232.727
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	13.078.840.494	10.899.428.666	18.282.451.442	71.579.909	42.332.300.511
Khấu hao trong năm	509.704.428	356.454.841	2.556.753.047	23.651.970	3.446.564.286
<b>Số cuối năm</b>	<b>13.588.544.922</b>	<b>11.255.883.507</b>	<b>20.839.204.489</b>	<b>95.231.879</b>	<b>45.778.864.797</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	1.332.870.305	955.955.205	5.146.966.287	-	7.435.791.797
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.215.780.663</b>	<b>1.250.807.182</b>	<b>15.655.576.877</b>	<b>189.215.757</b>	<b>18.311.380.479</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

**9. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.235.393.091	735.529.266
Chi phí sửa chữa	560.579.929	428.788.679
Chi phí bảo hiểm	37.395.164	26.807.957
Lệ phí đường bộ	42.743.864	45.875.581
Chi phí khác	123.666.486	365.022.343
<b>Cộng</b>	<b>1.999.778.534</b>	<b>1.602.023.826</b>

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí cải tạo vườn ươm	154.359.550	-
Chi phí khác	84.710.983	16.527.776
<b>Cộng</b>	<b>239.070.533</b>	<b>16.527.776</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 10. Phải trả người bán ngắn hạn

#### 10a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
DNTN cây kiềng Đức Minh	5.378.878.000	1.174.666.653
Công ty Cổ phần Vận tải TMXD CN Đức Long	3.977.600.000	-
Các nhà cung cấp khác	3.809.991.286	3.314.152.923
<b>Cộng</b>	<b>13.166.469.286</b>	<b>4.488.819.576</b>

#### 10b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

### 11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng các công trình dân dụng Phú Yên	1.100.000.000	3.300.000.000
Ban Quản Lý Khu kinh tế Phú Yên	-	3.000.000.000
Công ty TNHH Tân lập	-	500.000.000
Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng TP.Tuy Hòa	480.000.000	-
Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Tây Hòa	470.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á- Thái Bình Dương	384.943.865	-
<b>Cộng</b>	<b>2.434.943.865</b>	<b>6.800.000.000</b>

### 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp trong năm	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.538.116.257	-	5.830.834.293	(6.912.711.790)	456.238.760	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	32.242.065	1.167.542.945	(1.101.142.782)	34.158.098	-
Thuế thu nhập cá nhân	27.057.164	-	35.030.327	(56.251.834)	5.835.657	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	77.046.876	(77.046.876)	-	-
Thuế môn bài	-	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	9.785.978	(9.785.978)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.565.173.421</b>	<b>32.242.065</b>	<b>7.125.240.419</b>	<b>(8.161.939.260)</b>	<b>496.232.515</b>	<b>-</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Lệ phí đất an táng và cải táng, lệ phí đất sanh phần, cho thuê xe tang, lệ phí nhà vệ sinh, dịch vụ cây xanh và chiếu sáng	Không chịu thuế
- Cây xanh và cỏ	5%
- Các sản phẩm và dịch vụ khác	10%

### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Năm 2020, Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác do có tổng doanh thu không quá 200 tỷ đồng.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.177.985.163	6.974.351.253
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	161.607.299	364.438.420
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	8.339.592.462	7.338.789.673
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>1.667.918.492</b>	<b>1.467.757.935</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>	<b>(500.375.547)</b>	<b>-</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>-</b>	<b>42.902.491</b>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.167.542.945</b>	<b>1.510.660.426</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

### **13. Phải trả người lao động**

Số dư cuối năm là quỹ lương còn phải trả cho người lao động.

Quỹ lương kế hoạch và lương thực hiện năm 2020 được xây dựng dựa trên Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH.



## CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 14. Phải trả ngắn hạn khác

#### 14a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả về cổ phần hóa	485.793	485.793
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	99.969.754	87.969.754
Chi phí nhân công thuê ngoài	1.347.420.500	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	55.602.143	13.031.515
<b>Cộng</b>	<b>1.503.478.190</b>	<b>101.487.062</b>

#### 14b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

### 15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	153.329.436	808.754.573
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.751.738.309	-
Tăng khác (do hoàn nhập trích lập dự phòng năm trước theo Biên bản thanh tra)	-	171.609.964
Chi quỹ trong năm	(1.093.745.357)	(827.035.101)
<b>Số cuối năm</b>	<b>811.322.388</b>	<b>153.329.436</b>

### 16. Vốn chủ sở hữu

#### 16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	61.430.000.000	634.681.479	3.685.800.000	65.750.481.479
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	5.506.593.318	5.506.593.318
Chia cổ tức, lợi nhuận từ lợi nhuận năm 2018	-	-	(3.685.800.000)	(3.685.800.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>61.430.000.000</b>	<b>634.681.479</b>	<b>5.506.593.318</b>	<b>67.571.274.797</b>
Số dư đầu năm nay	61.430.000.000	634.681.479	5.506.593.318	67.571.274.797
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	7.010.442.218	7.010.442.218
Chia cổ tức, lợi nhuận năm 2019	-	-	(3.685.800.000)	(3.685.800.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2019	-	-	(1.752.038.309)	(1.752.038.309)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>61.430.000.000</b>	<b>634.681.479</b>	<b>7.079.197.227</b>	<b>69.143.878.706</b>

#### 16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ đông Nhà nước (UBND Tỉnh Phú Yên)	56.079.000.000	56.079.000.000
Các cổ đông khác	5.351.000.000	5.351.000.000
<b>Cộng</b>	<b>61.430.000.000</b>	<b>61.430.000.000</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)	
Cổ đông Nhà nước (UBND Tỉnh Phú Yên)	56.079.000.000	91,29	56.079.000.000
Các cổ đông khác	5.351.000.000	8,71	5.351.000.000
<b>Cộng</b>	<b>61.430.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>61.430.000.000</b>

### 16c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.143.000	6.143.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.143.000	6.143.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.143.000	6.143.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 16d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô Thị Phú Yên đã chia lợi nhuận năm 2019 số tiền 3.685.800.000 đồng và trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 1.655.458.309 đồng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 02/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 6 năm 2020.

Tại Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô Thị Đông Hòa đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền là 96.580.000 đồng.

### 17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

#### Tài sản nhận giữ hộ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản nhận giữ hộ	46.342.321.586	46.342.321.586

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

Doanh thu thuần	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu dịch vụ công cộng	84.529.194.193	52.227.931.647
Doanh thu dịch vụ công trình	40.294.315.700	26.669.298.356
Doanh thu dịch vụ vệ sinh công nghiệp	465.184.546	593.034.002
Doanh thu khác	7.412.264.014	4.621.322.874
<b>Tổng cộng</b>	<b>132.700.958.453</b>	<b>84.111.586.879</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	127.580.909	201.603.637



## CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn dịch vụ công cộng	67.900.384.425	40.134.354.383
Giá vốn dịch vụ công trình	37.481.396.020	23.841.424.777
Giá vốn vệ sinh công nghiệp	419.362.265	554018922
Giá vốn khác	6.142.337.160	3.735.752.748
<b>Cộng</b>	<b><u>111.943.479.870</u></b>	<b><u>68.265.550.830</u></b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	495.177.472	761.578.978
<b>Cộng</b>	<b><u>495.177.472</u></b>	<b><u>761.578.978</u></b>

### 4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	7.300.071.598	5.716.403.631
Chi phí vật liệu quản lý	742.295.250	230.757.187
Chi phí đồ dùng văn phòng	165.332.908	592.669.087
Chi phí khấu hao tài sản cố định	393.793.422	370.141.452
Chi phí dịch vụ mua ngoài	243.568.688	168.537.404
Các chi phí khác	4.110.982.726	2.330.753.008
<b>Cộng</b>	<b><u>12.956.044.592</u></b>	<b><u>9.409.261.769</u></b>

### 5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	40.909.091
Thu nhập khác	21.903.595	9.455.046
<b>Cộng</b>	<b><u>21.903.595</u></b>	<b><u>50.364.137</u></b>

### 6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền bị phạt, bị truy thu, tiền chậm nộp	92.180.289	222.368.460
Chi phí khác	21.928.204	-
<b>Cộng</b>	<b><u>114.108.493</u></b>	<b><u>222.368.460</u></b>

### 7. Lãi trên cổ phiếu

#### 7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.010.442.218	5.506.593.318
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.752.038.309)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	7.010.442.218	3.754.555.009
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	6.143.000	6.143.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>1.141</u></b>	<b><u>611</u></b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## 7b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước tăng từ 600 VND lên thành 611 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

## 8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	45.859.789.144	37.924.867.060
Chi phí nhân công	35.381.218.947	29.072.148.081
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.446.564.286	2.060.674.238
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.596.231.985	15.806.611.515
Chi phí khác	4.173.542.181	3.035.620.659
<b>Cộng</b>	<b><u>123.457.346.543</u></b>	<b><u>87.899.921.553</u></b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Tiền lương, thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
<b>Năm nay</b>			
Ông Đỗ Văn Sung - Chủ tịch Hội đồng quản trị	144.383.236	54.754.569	199.137.805
Ông Trần Minh Hoàng - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc	359.873.171	37.781.866	397.655.037
Ông Nguyễn Quang Nguyên - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc	231.656.534	21.600.000	253.256.534
Ông Phan Trọng Thư - Kế toán trưởng	259.594.756	-	259.594.756
Bà Nguyễn Thị Tiến - Trưởng Ban Kiểm soát	274.350.007	-	274.350.007
Bà Nguyễn Thị Hoài Thu - Kiểm soát viên	98.914.841	25.335.217	124.250.058
<b>Cộng</b>	<b><u>1.368.772.545</u></b>	<b><u>139.471.652</u></b>	<b><u>1.508.244.197</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<b>Tiền lương, thưởng</b>	<b>Thù lao</b>	<b>Cộng thu nhập</b>
<b>Năm trước</b>			
Ông Đỗ Văn Sung - Chủ tịch Hội đồng quản trị	111.374.896	46.800.000	158.174.896
Ông Trần Minh Hoàng - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc	278.023.059	31.200.000	309.223.059
Ông Phạm Quốc Duy - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc	107.420.773	14.400.000	121.820.773
Ông Phan Trọng Thư - Kế toán trưởng	183.311.223	-	183.311.223
Bà Nguyễn Thị Tiến - Trưởng Ban Kiểm soát	209.236.530	-	209.236.530
Bà Nguyễn Thị Hoài Thu - Kiểm soát viên	74.510.396	19.760.000	94.270.396
<b>Cộng</b>	<b>963.876.877</b>	<b>112.160.000</b>	<b>1.076.036.877</b>

### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

#### **Bên liên quan khác**

Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Phú Yên)

#### **Mối quan hệ**

Cổ đông lớn, sở hữu 91,29% vốn chủ sở hữu của Công ty

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Công ty chỉ phát sinh giao dịch chia cổ tức cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên số tiền 3.364.740.000 đồng (năm trước là 3.364.766.820 đồng).

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3.

## 2. Thông tin về bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh cụ thể như sau:

- Dịch vụ công cộng: bao gồm dịch vụ vệ sinh, dịch vụ cây xanh và chôn lấp bãi rác;
- Dịch vụ công trình: bao gồm trồng và chăm sóc cây xanh, lắp đặt và tháo dỡ hệ thống điện chiếu sáng của các công trình.
- Sản phẩm và dịch vụ khác: bao gồm sản xuất và bán cây xanh, cộ đẩy rác, dịch vụ vệ sinh công nghiệp, chăm sóc cây xanh...



# CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Công ty không theo dõi riêng tài sản và nợ phải trả cho từng bộ phận nên không trình bày tài sản và nợ phải trả của từng lĩnh vực hoạt động.

	Dịch vụ công cộng	Dịch vụ công trình	Sản phẩm và dịch vụ khác	Phần quản lý chung	Tổng Cộng
Doanh thu thuần	84.510.051.375	40.294.315.700	7.877.448.560	-	132.681.815.635
Doanh thu tài chính	-	-	-	495.177.472	495.177.472
Thu nhập khác	-	-	-	21.903.595	21.903.595
<b>Tổng doanh thu và Thu nhập khác</b>	<b>84.510.051.375</b>	<b>40.294.315.700</b>	<b>7.877.448.560</b>	<b>517.081.067</b>	<b>133.198.896.702</b>
Giá vốn hàng bán	67.900.384.425	37.481.396.020	6.561.699.425	-	111.943.479.870
Chi phí bán hàng	-	-	-	675.000	675.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	12.956.044.592	12.956.044.592
Chi phí tài chính	-	-	-	6.603.584	6.603.584
Chi phí khác	-	-	-	114.108.493	114.108.493
<b>Tổng chi phí sản xuất kinh doanh</b>	<b>67.900.384.425</b>	<b>37.481.396.020</b>	<b>6.561.699.425</b>	<b>13.077.431.669</b>	<b>125.020.911.539</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>	<b>16.609.666.950</b>	<b>2.812.919.680</b>	<b>1.315.749.135</b>	<b>(12.560.350.602)</b>	<b>8.177.985.163</b>

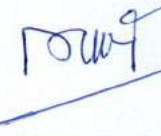
### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 6. Các Thông tin khác

Căn cứ Quyết định Hội đồng quản trị số 13/QĐ-HĐQT ngày 13 tháng 11 năm 2018 về việc thành lập Công ty TNHH MTV xây dựng và phát triển Đô thị Sông Cầu do Công ty Cổ phần môi trường Đô Thị Phú Yên là chủ sở hữu 100% vốn điều lệ, Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Yên đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4401056737 ngày 13 tháng 11 năm 2018 cho Công ty TNHH MTV xây dựng và phát triển Đô thị Sông Cầu với vốn điều lệ 4,5 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2020 Công ty chưa góp vốn vào Công ty TNHH MTV xây dựng và phát triển Đô thị Sông Cầu, số vốn cam kết còn phải góp là 4,5 tỷ đồng.

  
Ngô Thị Bích Trâm  
Người lập biểu

  
Phan Trọng Thư  
Kế toán trưởng

  
Trần Minh Hoàng  
Giám đốc



Phú Yên, ngày 18 tháng 3 năm 2021